TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-PT
Ngày 29-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

Các Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hường;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:*** Bà Hoàng Thanh Huyền, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 và ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Số **, đường P, PL4, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Dương Mạnh C,

2. Bà Hoàng Thị H;

Cùng địa chỉ: Số **, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn, ông Dương Mạnh C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị N, là nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần cho vợ chồng ông Dương Mạnh C và bà Hoàng

Thị H vay tiền. Hiện nay, tổng số tiền mà vợ chồng ông Dương Mạnh C còn nợ bà là 618.270.000 đồng được thể hiện tại Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019, Giấy cam kết đề ngày 26/10/2019 và 10 Giấy đề nghị tạm ứng đề ngày 26/10/2019, 07 Giấy đề nghị tạm ứng, chuyển khoản đề ngày 31/10/2019, 02/11/2019, 06/11/2019, 08/11/2019, 09/11/2019 và 01 bản phô tô tin nhắn điện thoại thể hiện nội dung chuyển khoản ngày 06/12/2019; cụ thể:

Ngày 14/10/2019, bà Nguyễn Thị N cho ông Dương Mạnh C vay 400.000.000 đồng, hai bên viết Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019; thời hạn vay 02 ngày (từ ngày 14/10/2019 đến hết ngày 15/10/2019); bà đã chuyển khoản vào tài khoản của ông Dương Mạnh C 02 lần đủ số tiền 400.000.000 đồng.

Sau đó, bà Nguyễn Thị N tiếp tục cho vợ chồng ông Dương Mạnh C vay tiền để thanh toán tiền cho công nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên do ông Dương Mạnh C làm giám đốc. Hai bên viết Giấy cam kết đề ngày 26/10/2019 với nội dung bà Nguyễn Thị N cho ông Dương Mạnh C vay 200.000.000 đồng. Thực tế bà Nguyễn Thị N không đưa cho ông Dương Mạnh C 200.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị N đưa tiền cho nhân viên công ty M, trong đó có bà Hoàng Thị H, trên cơ sở Giấy đề nghị tạm ứng, có chữ ký của giám đốc Công ty là ông Dương Mạnh C. Tổng số tiền từ ngày 26/10/2019 đến ngày 06/12/2019 mà bà Nguyễn Thị N chi tiền mặt trên cơ sở đề nghị tạm ứng và chuyển khoản cho ông Dương Mạnh C là 218.270.000 đồng. Khi cho vay số tiền này, hai bên không thỏa thuận với nhau về thời hạn trả nợ mà chỉ thống nhất sau khi công ty M được nghiệm thu công trình làm đường Nam Quan - Ái Quốc thì ông Dương Mạnh C sẽ trả cho bà tất cả các khoản nợ cả nợ cũ và nợ mới. Ngoài ra, tại giấy cam kết có ghi, ngày 29/10/2019 ông Dương Mạnh C phải đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Mạnh C cho bà Nguyễn Thị N giữ để làm tin, nhưng thực tế ông Dương Mạnh C không thực hiện; do sợ ông Dương Mạnh C không có tiền thanh toán cho công nhân sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thi công thì bà cũng chậm được thanh toán nợ, nên bà Nguyễn Thị N vẫn cho ông Dương Mạnh C vay tiền.

Về lãi suất: Tất cả các giấy tờ liên quan đến những khoản vay nói trên đều không ghi mức lãi suất cho vay nhưng bà và ông Dương Mạnh C thỏa thuận mức lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Sau nhiều lần đòi nợ, bà Hoàng Thị H (vợ ông Dương Mạnh C) đã trả bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 70.000.000 đồng (lần 1 trả 50.000.000 đồng vào ngày 21/01/2020, lần 2 trả 20.000.000 đồng vào ngày 24/01/2020); số tiền 70.000.000 đồng đó được trừ vào nợ gốc.

Ngày 20/10/2020, bà Nguyễn Thị N làm đơn khởi kiện, yêu cầu ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc còn lại là 548.270.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 14/10/2019 đến ngày 20/10/2020 là 200.666.820 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu về số tiền nợ gốc và yêu cầu Tòa án giải quyết nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Về phía ông Dương Mạnh C thừa nhận được vay bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 600.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019 và Giấy cam kết đề ngày 26/10/2019 với hình thức vay như bà Nguyễn Thị N đã trình bày. Trong các giấy vay không ghi thỏa thuận về lãi nhưng hai bên có thỏa thuận với nhau về mức lãi là 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày đối với khoản vay 400.000.000 đồng và 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày đối với khoản vay 200.000.000 đồng.

Về số tiền đã trả, ông Dương Mạnh C trình bày: Ngoài số tiền 70.000.000 đồng như bà Nguyễn Thị N trình bày, ngày 28/10/2019 ông Dương Mạnh C đã trả bà Nguyễn Thị N 490.000.000 đồng, bao gồm: Trả khoản nợ gốc 400.000.000 đồng vay ngày 14/10/2019 và 60.000.000 đồng nợ lãi của khoản vay 400.000.000 đồng; trả trước 30.000.000 đồng tiền nợ lãi cho khoản vay 200.000.000 đồng; nhưng tin tưởng nhau nên khi trả nợ ông không lập giấy tờ và không có người làm chứng. Vì vậy, số tiền nợ gốc hiện nay chỉ còn 130.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền này kể từ ngày 24/01/2020 (ngày trả tiền gần đây nhất) cho đến nay.

Bị đơn bà Hoàng Thị H thừa nhận được 04 lần nhận tiền với bà Nguyễn Thị N dưới hình thức giấy đề nghị tạm ứng, cụ thể: Ngày 26/10/2019 nhận 100.000.000 đồng, ngày 31/10/2019 nhận 10.000.000 đồng, ngày 02/11/2019 nhận 4.000.000 đồng; ngày 06/11/2019 nhận 5.000.000 đồng; tổng số tiền bà nhận với bà Nguyễn Thị N là 119.000.000 đồng để chi trả cho công ty M. Việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Mạnh C cụ thể như thế nào bà không biết nên bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định:

Về tiền nợ gốc: Cả hai bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng ông Dương Mạnh C đã trả bà Nguyễn Thị N 70.000.000 đồng tiền nợ gốc, nên xác định số tiền nợ gốc còn lại là 548.270.000 đồng.

Về số tiền lãi: Trong các giấy vay tiền không thể hiện thỏa thuận về lãi suất tuy nhiên các bên đều thừa nhận có thỏa thuận với nhau về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, áp dụng mức lãi suất 10%/năm/số tiền vay kể từ thời điểm nhận tiền đến ngày xét xử sơ thẩm (01/4/2021).

Bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị N tổng số tiền

là 629.809.000 đồng, bao gồm 548.270.000 đồng tiền nợ gốc và 81.539.000 đồng tiền nợ lãi. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chậm thi hành thì phải trả lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn buộc ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn luật định, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Dương Mạnh C kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị N kháng cáo về tiền nợ lãi; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính lại lãi suất, yêu cầu bị đơn phải trả mức lãi suất là 18%/năm của số tiền gốc kể từ ngày vay, lãi chậm trả của số tiền nợ gốc là 150%/năm, lãi chậm trả của số tiền lãi là 10%/năm.

Ông Dương Mạnh C kháng cáo về nợ gốc, nợ lãi và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm; ông Dương Mạnh C xác định số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, yêu cầu tính nợ lãi trên số tiền nợ gốc nói trên kể từ ngày 24/01/2020 cho đến nay, buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu một phần tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N cung cấp 01 bản phô tô giấy viết tay có tiêu đề "Tiền anh C vay"; ông Dương Mạnh C cung cấp 01 bản sao kê của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Lạng Sơn đối với tài khoản khách hàng là Công ty TNHH một thành viên M từ ngày 22/10/2019 đến ngày 28/10/2019.

Sau khi thụ lý phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ mới: 01 hóa đơn đề ngày 26/10/2019 có chữ viết tay với nội dung anh C thiếu tiền vay N 500.000 đồng; 01 Giấy đề nghị tạm ứng đề ngày 26/10/2019 mang tên Lý Văn H với số tiền tạm ứng là 7.000.000 đồng; 01 Giấy đề nghị tạm ứng đề ngày 26/10/2019 mang tên Hoàng Thị H với số tiền tạm ứng là 43.000.000 đồng; 02 bản phô tô chụp tin nhắn điện thoại ngày 09/10/2019; 01 bản phô tô giấy nộp tiền tại Ngân hàng Công thương ngày 09/10/2019; 05 bản phô tô tin nhắn điện thoại thể hiện chi tiết giao dịch ngày 12/10/2019.

Bị đơn ông Dương Mạnh C cung cấp tài liệu chứng cứ mới: 01 bản sao kê tài khoản tại Ngân hàng Đầu tư của ông Dương Mạnh C từ ngày 02/8/2019 đến ngày 27/12/2019, 01 giấy viết tay liên quan đến việc vay nợ, trả nợ, nhờ đáo hạn Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bà Nguyễn Thị N cung cấp: 01 trang sổ phụ mở tại Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam mang tên Nguyễn Thị N, 01 bản chụp tin nhắn điện thoại chi tiết giao dịch ngày 12/10, 01 giấy viết tay về việc đáo hạn ngân hàng hộ ông Dương Mạnh C khoản nợ 500.000.000 đồng, 01 bản chụp nội dung tin nhắn ngày 17/10, 01 giấy nộp tiền đề ngày 17/10/2019 mang tên người nộp Dương Mạnh C, 01 bản phô tô tin nhắn điện thoại thể hiện chi tiết giao dịch ngày 17/10, 01 giấy vay tiền đề ngày 06/11/2019, 01 giấy viết tay tiêu đề " Phần chị H ứng từ

17/10/2019-6/11/2019", 18 trang sổ phụ tại Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam từ ngày 04/7/2019-31/12/2019 mang tên Nguyễn Thị N, 01 giấy viết tay tiêu đề "Tiền anh C vay" có chữ viết tay thể hiện ngày 27/02/2020 bà Nguyễn Thị N và bà Hoàng Thị H đối chiếu số tiền nợ (toàn bộ là tài liệu phô tô, riêng trang có nội dung chữ viết tay thể hiện ngày 27/02/2020 bà Nguyễn Thị N và bà Hoàng Thị H đối chiếu số tiền nợ là bản gốc).

Ông Dương Mạnh C cung cấp: 06 trang phô tô bản sao kê giao dịch tài khoản tiền vay tại Ngân hàng Công thương mang tên khách hàng Dương Mạnh C, 02 bản phô tô giấy nhận nợ. Bà Hoàng Thị H cung cấp 01 bản gốc 03 trang giấy viết tay tiêu đề "Tiền anh C vay".

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn ông Dương Mạnh C trình bày: Trước khi vay bà Nguyễn Thị N 400.000.000 đồng vào ngày 14/10/2019, vợ chồng ông không nợ bà Nguyễn Thị N khoản tiền nào. Ngoài việc trả bà Nguyễn Thị N 70.000.000 đồng như bà Nguyễn Thị N đã trình bày, ngày 28/10/2019 ông còn trả bà Nguyễn Thị N 490.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị N chỉ thừa nhận 190.000.000 đồng nên ông chấp nhận; ngoài ra ngày 12/10/2019 ông còn chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị N 300.000.000 đồng. Vì vậy, ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về nợ gốc, nợ lãi và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử trừ tất cả các khoản tiền trên vào tiền nợ gốc, đề nghị xem xét việc tính lãi từ sau ngày trả tiền gần đây nhất là ngày 24/01/2021, đồng thời buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 1/3 án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Bà không biết cụ thể việc vay nợ giữa ông Dương Mạnh C và bà Nguyễn Thị N; bà được ký giấy đề nghị tạm ứng và nhận tiền theo giấy đề nghị tạm ứng với bà Nguyễn Thị N 04 lần, tổng số tiền là 119.0000.000 đồng để chi trả cho công nhân của Công ty M; 27/02/2020 bà được đối chiếu và ký chốt nợ với bà Nguyễn Thị N như bà Nguyễn Thị N đã trình bày; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà đã nhiều lần cho ông Dương Mạnh C vay tiền, có lần vay viết giấy, có lần không viết giấy. Bà có liệt kê những khoản nợ của vợ chồng ông Dương Mạnh C kể từ ngày 09/10/2019 đến ngày 06/12/2019, tổng cộng là 808.070.000 đồng, trong đó bao gồm cả những khoản vay mà bà đang khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Dương Mạnh C thanh toán. Ngày 28/10/2019, ông Dương Mạnh C có trả bà 190.000.000 đồng nhưng đây là khoản tiền được trả cho các khoản vay khác có trong bảng kê danh sách chốt nợ nêu trên nhưng không bao gồm các khoản vay thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019 và 17 giấy đề nghị tạm ứng, 01 bản phô tô tin nhắn điện thoại thể hiện nội dung chuyển khoản mà bà đã gửi kèm theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27/02/2020 bà và bà Hoàng Thị H đã đối chiếu và chốt với nhau số tiền mà vợ chồng ông Dương Mạnh C nợ bà theo bảng kê danh sách được lập theo trình tự thời gian của từng lần cho vay tiền; nội dung đối chiếu công nợ giữa bà và bà Hoàng Thị H do bà Hoàng Thị H viết và chỉ có 01 bản gốc do bà giữ, bản gốc liệt kê những khoản nợ của vợ chồng ông Dương

Mạnh C chỉ có 01 bản và do bà Hoàng Thị H giữ. Ngày 12/10/2019 ông Dương Mạnh C có chuyển khoản cho bà 300.000.000 đồng là do trước đó ông Dương Mạnh C nhờ bà đáo hạn khoản vay 500.000.0000 đồng của ông Dương Mạnh C tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) nên không liên quan đến khoản nợ mà bà đang khởi kiện vợ chồng ông Dương Mạnh C tại Tòa án. Bà Nguyễn Thị N thừa nhận, đã nhận từ bà Hoàng Thị H tổng số tiền 70.000.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm, bà đồng ý trừ 70.000.000 đồng vào nợ gốc, nhưng nay bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trừ 70.000.000 đồng vào nợ lãi; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại mức lãi suất và các khoản lãi mà vợ chồng ông Dương Mạnh C có trách nhiệm trả cho bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thấy, có căn cứ để xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần cho vợ chồng ông Dương Mạnh C vay tiền thể hiện tại giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019, giấy cam kết đề ngày 26/10/2019 và các giấy đề nghị tạm ứng. Mặc dù ông Dương Mạnh C không thừa nhận khoản vay theo giấy đề nghị tạm ứng nhưng thực tế bà Hoàng Thị H đã nhiều lần nhận tiền trực tiếp với bà Nguyễn Thị N theo nội dung giấy đề nghị tạm ứng.

Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019 và giấy cam kết ngày 26/10/2019 đều không ghi cụ thể thỏa thuận về lãi, lãi chậm trả của gốc, lãi chậm trả của tiền lãi nhưng hai bên thừa nhận việc cho vay tiền có lãi và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N yêu cầu được trả lãi theo quy định của pháp luật. Do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi là có căn cứ, đúng quy định. Vì vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu mức lãi suất là 18%/năm của số tiền gốc kể từ ngày vay; lãi chậm trả của số tiền gốc là 150%/năm; lãi chậm trả của số tiền lãi là 10%/năm là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị N đề nghị trừ 70.000.000 đồng mà ông Dương Mạnh C đã trả vào nợ gốc; tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị N đề nghị trừ số tiền 70.000.000 đồng nói trên vào nợ lãi là không có căn cứ để chấp nhận. Ông Dương Mạnh C cho rằng ngày 28/10/2019 đã trả bà Nguyễn Thị N 490.000.000 đồng, trong đó 400.000.000 đồng trừ vào tiền nợ gốc và 90.000.000 đồng trừ vào nợ lãi cho cả khoản vay ngày 14/10/2019 và ngày 26/10/2019, nhưng ngoài lời trình bày của mình ông Dương Mạnh C không đưa ra được tài liệu chứng cứ thể hiện việc đã trả nợ. Vì vậy, việc ông Dương Mạnh C cho rằng chỉ còn nợ bà Nguyễn Thị N 130.000.000 đồng tiền gốc là không có căn cứ. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên Tòa án

sơ thẩm buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm xác định vợ chồng ông Dương Mạnh C còn nợ bà Nguyễn Thị N 548.270.000 đồng nợ gốc và 81.539.000 đồng nợ lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; buộc ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nói trên và chịu nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Dương Mạnh C. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, có căn cứ xác định có quan hệ vay tài sản (vay tiền) giữa bà Nguyễn Thị N và ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H.

[2] Xét kháng cáo của ông Dương Mạnh C về tiền nợ gốc:

[3] Đối với khoản vay 400.000.000 đồng thể hiện tại Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2019 đã được bà Nguyễn Thị N và ông Dương Mạnh C thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh.

[4] Đối với số tiền vay còn lại: Ông Dương Mạnh C thừa nhận người đứng tên đề nghị tạm ứng (trong đó có cả ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H) là nhân viên của Công ty TNHH một thành viên M do ông làm Giám đốc, thừa nhận chữ ký của ông với tư cách Giám đốc Công ty M tại các Giấy đề nghị tạm ứng; bà Hoàng Thị H, ông Phùng Văn T, Trần Văn D… thừa nhận được nhận tiền từ bà Nguyễn Thị N theo nội dung giấy đề nghị tạm ứng. Do đó, lời khai của bà Nguyễn Thị N về việc cho vợ chồng ông Dương Mạnh C vay tiền theo giấy đề nghị tạm ứng của nhân viên Công ty TNHH M là có căn cứ. Việc ông Dương Mạnh C cho rằng bà Nguyễn Thị N phải tự chịu trách nhiệm về số tiền thực tế cho vay vượt quá số tiền 200.000.000 đồng theo nội dung giấy cam kết đề ngày 26/10/2019 là không có cơ sở để chấp nhận vì tất cả các giấy đề nghị tạm ứng đều có được sự đồng ý của ông Dương Mạnh C. Vì vậy, có căn cứ để xác định vợ chồng ông Dương Mạnh C vay bà Nguyễn Thị N 618.270.000 đồng thể hiện tại giấy vay tiền ngày 14/10/2019 và 17 giấy đề nghị tạm ứng, 01 bản phô tô tin nhắn điện thoại thể hiện nội dung chuyển khoản mà bà Nguyễn Thị N đã nộp kèm theo đơn khởi kiện.

[5] Về số tiền đã thanh toán:

[6] Ông Dương Mạnh C cho rằng, ngày 28/10/2018 ông đã trả bà Nguyễn Thị N 490.000.000 đồng, trong đó trả 400.000.000 đồng nợ gốc và 60.000.000 đồng nợ lãi cho khoản vay ngày 14/10/2019; trả trước 30.000.000 đồng tiền nợ

lãi cho khoản vay 200.000.000 đồng của ngày 26/10/2029; nhưng ngoài lời trình bày của mình, ông Dương Mạnh C không đưa ra được căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông Dương Mạnh C.

[7] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự cung cấp bản viết tay của bà Nguyễn Thị N về việc liệt kê những khoản nợ của vợ chồng ông Dương Mạnh C kể từ ngày 09/10/2019 đến ngày 06/12/2019 kèm theo đó là nội dung chốt nợ do bà Hoàng Thị H viết ngày 27/02/2020, ngoài ra còn có nội dung thể hiện việc ông Dương Mạnh C trả bà Nguyễn Thị N 190.000.000 đồng vào ngày 28/10/2019. Xét thấy, ngoài những khoản nợ mà bà Nguyễn Thị N đang khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Dương Mạnh C thanh toán thì vợ chồng ông Dương Mạnh C còn nhiều lần vay bà Nguyễn Thị N tiền, tổng cộng số nợ theo bảng liệt kê nói trên là 808.070.000 đồng. Vì vậy, lời khai của bà Nguyễn Thị N về số tiền 190.000.000 đồng mà ông Dương Mạnh C trả bà Nguyễn Thị N vào ngày 28/10/2019 là được trả cho các khoản vay khác từ ngày 09/10/2019 đến ngày 26/10/2019, có trong bảng liệt kê danh sách chốt nợ nêu trên, nhưng không bao gồm các khoản vay mà bà Nguyễn Thị N đang khởi kiện, là có căn cứ. Do đó, việc ông Dương Mạnh C đề nghị trừ số tiền 190.000.000 đồng vào tổng số nợ gốc mà bà Nguyễn Thị N đang khởi kiện là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông Dương Mạnh C chuyển khoản cho bà 300.000.000 đồng vào ngày 12/10/2019 là để trả cho khoản vay do bà làm thủ tục đáo hạn hộ ông Dương Mạnh C tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) vào ngày 09/10/2019. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Mạnh C và bà Nguyễn Thị N đều thừa nhận, những khoản vay trước ngày 14/10/2019 đã được thanh toán xong. Vì vậy, không có căn cứ để trừ 300.000.000 đồng vào nợ gốc như ông Dương Mạnh C yêu cầu.

[9] Đối với số tiền 70.000.000 đồng: Mặc dù các khoản vay đều đã quá hạn, khi thanh toán, các bên không nói rõ trả cho khoản vay nào, nên về nguyên tắc phải ưu tiên trừ nợ gốc đối với khoản vay lâu nhất; tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N cũng đồng ý trừ số tiền này vào nợ gốc; do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã trừ 70.000.000 đồng vào nợ gốc là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc trừ 70.000.000 đồng vào nợ lãi.

[10] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N về nợ lãi:

[11] Ngoài khoản vay 400.000.000 đồng có thỏa thuận về thời hạn vay, các khoản vay khác không thỏa thuận về thời hạn vay, nhưng các bên đương sự đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận với nhau về lãi suất. Do đó, xác định khoản vay 400.000.000 đồng là khoản vay có kỳ hạn và có lãi, các khoản vay còn lại là khoản vay không kỳ hạn và có lãi.

[12] Việc xác định loại lãi và mức lãi suất đối với các khoản vay nói trên được căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, theo đó:

[13] Tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ lãi chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Về mức lãi suất: Đối với lãi trên nợ gốc trong hạn, do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/năm); mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; mức lãi suất chậm trả lãi được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[14] Như đã phân tích tại mục [9], số tiền 70.000.000 đồng (ngày 21/01/2020 trả 50.000.000 đồng, ngày 24/01/2020 trả 20.000.000 đồng) được trừ vào nợ gốc 400.000.000 đồng, vay ngày 14/10/2019. Vì vậy, số tiền lãi cụ thể của khoản vay này gồm: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là 219.178 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 32.066 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 75.234.247 đồng.

[15] Về tiền lãi của các khoản vay từ ngày 26/10/2019 đến ngày 06/12/2019 là 218.270.000 đồng: Tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý".

[16] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N và ông Dương Mạnh C đều thừa nhận, khi vay và cho vay có nói với nhau, đến khi nào Công ty TNHH M hoàn thành công trình Nam Quan - Ái Quốc thì ông Dương Mạnh C sẽ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N, thực tế công trình đã hoàn thành nhưng cả hai bên đều không xác định được thời điểm cụ thể hoàn thành công trình. Bà Nguyễn Thị N xác định thời điểm hoàn thành công trình vào khoảng đầu tháng 12 năm 2019, ông Dương Mạnh C xác định thời điểm hoàn thành công trình vào trước Tết nguyên đán năm 2020; thực tế, ông Dương Mạnh C đã thanh toán một phần nợ cho bà Nguyễn Thị N, thời điểm thanh toán gần đây nhất là ngày 24/01/2020. Tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết thời gian hợp lý đến thời điểm xét xử sơ thẩm". Do đó, căn cứ lời trình bày của các đương sự, căn cứ khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử xác định "Thời gian hợp lý" trong trường hợp này là ngày 31/01/2020. Vì vậy, tiền lãi của các khoản vay còn lại với tổng số tiền vay là 218.270.000 đồng bao

gồm: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả; trong đó lãi trong hạn được tính tương ứng với từng số tiền nợ gốc, tại thời điểm nhận tiền, theo đó;

[17] Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả của các khoản vay từ ngày 26/10/2019 đến ngày 06/12/2019 là 5.720.811 đồng, cụ thể: Khoản vay 177.770.000 đồng ngày 26/10/2019, tiền lãi là 4.773.003 đồng; khoản vay 10.000.000 đồng ngày 31/10/2019, tiền lãi là 254.795 đồng; khoản vay 4.000.000 đồng ngày 02/11/2019, tiền lãi là 99.726 đồng; khoản vay 14.000.000 đồng ngày 06/11/2019, tiền lãi là 333.699 đồng; khoản vay 5.500.000 đồng ngày 08/11/2019, tiền lãi là 128.082 đồng; khoản vay 3.000.000 đồng ngày 09/11/2019, tiền lãi là 69.041 đồng; khoản vay 4.000.000 đồng ngày 06/12/2019, tiền lãi là 62.466 đồng;

[18] Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả của số tiền 218.270.000 đồng nợ gốc là 38.212.200 đồng.

[19] Tổng số tiền lãi của số tiền nợ gốc 618.270.000 đồng là 119.418.502 đồng.

[20] Do Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án mà chỉ căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính mức lãi suất 10%/năm và chỉ tính một mức lãi suất là không phù hợp. Mặt khác, Bản án sơ thẩm tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm nhưng lại tuyên lãi suất chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

[21] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H và ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H là vợ chồng nên buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị N.

[22] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định, từ ngày 14/10/2019 đến ngày 06/12/2019, bà Nguyễn Thị N đã nhiều lần cho vợ chồng ông Dương Mạnh C vay tiền; tổng số tiền của các lần vay là 618.270.000 đồng, ông Dương Mạnh C đã trả 70.000.000 đồng nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 548.270.000 đồng; tổng số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/4/2021) là 119.418.000 đồng (làm tròn số); tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là 667.688.000 đồng. Vì vậy, buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị N tổng số tiền nói trên là phù hợp.

[23] Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch; về số tiền án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại trên cơ sở tổng số tiền mà ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ thanh toán.

[24] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị N số tiền lãi là có căn cứ nên được chấp nhận, kháng cáo của Dương Mạnh C về nợ gốc, nợ lãi và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là không có căn cứ nên không chấp nhận. Vì vậy, có căn cứ để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[25] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị nào phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận.

[26] Về án phí dân sự phúc thẩm, do Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Dương Mạnh C. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ Điều 288, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H liên đới chịu trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị N tổng số tiền là 667.688.000 đồng, trong đó nợ gốc là 548.270.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/4/2021) là 119.418.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H liên đới nộp 30.707.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, sung ngân sách Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị N 16.979.000 (mười sáu triệu chín trăm bẩy mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2015/0002459 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N, ông Dương Mạnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002733 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Hoàn trả ông Dương Mạnh C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0002734 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Tổ HCTP, Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS thành phố Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thùy